



**Công ty Cổ phần
Đại lý Hàng hải Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thông tin về Công ty

Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005

**Giấy chứng nhận đăng ký
đăng ký doanh nghiệp số** 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006
0300437898 ngày 13 tháng 12 năm 2013

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300437898 ngày 13 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài An	Ủy viên
Ông Hoàng Hoa Phòng	Ủy viên
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên
Ông Lê Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Việt	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Hoàng	Thành viên
Ông Vũ Xuân Hưng	Thành viên
Bà Đặng Thị Hồng Liên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Xuân Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hoa Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Lầu 5, tòa nhà Petroland
Số 12 đường Tân Trào
Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Trang
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi muốn lưu ý rằng chúng tôi không soát xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và bất kỳ các thuyết minh liên quan nào khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét về các báo cáo này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-317



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		439.793.975.333	370.092.908.944
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	214.134.996.900	179.009.997.707
Tiền	111		111.634.996.900	114.509.997.707
Các khoản tương đương tiền	112		102.500.000.000	64.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.000.000.000	37.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	31.000.000.000	37.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.713.716.963	144.731.314.322
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	142.433.337.531	115.444.223.162
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.643.648.349	2.432.934.162
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	41.677.348.645	35.894.774.560
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(9.040.617.562)	(9.040.617.562)
Hàng tồn kho	140		3.510.000	175.500
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.941.751.470	9.351.421.415
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.135.355.367	630.869.548
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.744.765.372	8.518.282.718
Thuế trả trước vào Ngân sách Nhà nước	153	14(b)	61.630.731	202.269.149

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		185.866.893.659	190.395.785.505
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.310.938.470	7.954.789.470
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	8.310.938.470	7.954.789.470
Tài sản cố định	220		78.021.453.786	80.159.250.263
Tài sản cố định hữu hình	221	9	58.514.625.403	60.446.768.406
Nguyên giá	222		136.353.899.702	134.518.875.233
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.839.274.299)	(74.072.106.827)
Tài sản cố định vô hình	227	10	19.506.828.383	19.712.481.857
Nguyên giá	228		22.331.234.828	22.331.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.824.406.445)	(2.618.752.971)
Bất động sản đầu tư	230	11	47.708.876.641	49.801.071.781
Nguyên giá	231		74.584.104.356	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.875.227.715)	(24.783.032.575)
Tài sản dở dang dài hạn	240		814.621.425	305.518.229
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	814.621.425	305.518.229
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	48.824.681.705	49.798.005.790
Đầu tư vào công ty con	251		37.392.586.378	37.392.586.378
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		3.175.492.779	3.175.492.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.589.789.363	11.589.789.363
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.333.186.815)	(2.359.862.730)
Tài sản dài hạn khác	260		2.186.321.632	2.377.149.972
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.186.321.632	2.377.149.972
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		625.660.868.992	560.488.694.449

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		343.427.098.662	275.456.462.414
Nợ ngắn hạn	310		328.459.488.512	260.508.772.264
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	75.117.782.852	84.013.518.902
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23.315.732.769	20.226.015.048
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	14(a)	14.460.113.440	14.395.364.675
Phải trả người lao động	314		11.824.932.976	40.746.902.010
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.247.595.439	7.054.001.263
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	27.861.902.465	200.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	157.396.414.971	87.172.844.581
Vay ngắn hạn	320	18(a)	1.555.387.754	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	9.679.625.846	6.700.125.785
Nợ dài hạn	330		14.967.610.150	14.947.690.150
Chi phí phải trả dài hạn	333		500.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	719.770.150	707.770.150
Vay dài hạn	338	18(b)	13.747.840.000	13.739.920.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		282.233.770.330	285.032.232.035
Vốn chủ sở hữu	410	19	282.233.770.330	285.032.232.035
Vốn cổ phần	411	20	116.500.000.000	116.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116.500.000.000	116.500.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	418	22	91.269.882.762	74.261.208.991
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22	13.306.703.776	12.734.417.453
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.157.183.792	81.536.605.591
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		34.264.841.233	24.538.467.644
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.892.342.559	56.998.137.947
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		625.660.868.992	560.488.694.449

Ngày 18 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Lương Huy
Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Trang
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
				Chưa soát xét
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	381.211.357.617	400.481.954.440
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	333.587.376.416	359.290.184.090
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		47.623.981.201	41.191.770.350
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	8.746.652.608	26.483.930.711
Chi phí tài chính	22	27	1.731.469.924	1.486.819.571
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	22.533.801.175	22.720.342.480
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		32.105.362.710	43.468.539.010
Thu nhập khác	31	29	330.512.835	7.417.863.431
Chi phí khác	32		6.322.612	85.608.154
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		324.190.223	7.332.255.277
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		32.429.552.933	50.800.794.287
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	5.537.210.374	10.286.062.980
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		26.892.342.559	40.514.731.307

Ngày 18 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Lương Huy
Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Trang
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
				Chưa soát xét
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		357.311.960.969	403.478.194.921
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(372.227.627.828)	(400.077.763.873)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(53.885.892.651)	(59.925.150.781)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.493.874.973)	(9.119.541.518)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		964.089.472.284	1.139.432.042.183
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(873.666.063.802)	(1.041.653.816.215)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	08		20.127.973.999	32.133.964.717
II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.352.921.378)	(25.515.672.045)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định các tài sản dài hạn khác	22		-	1.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(26.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		9.000.000.000	24.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(1.940.000.000)
6. Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	16.058.448.283
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.919.514.884	4.174.899.531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21.566.593.506	(9.221.324.231)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND
			Chưa soát xét

III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.333.081.633	5.381.451.185
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(777.693.879)	(2.281.579.383)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.984.006.275)	(11.593.382.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.428.618.521)	(8.493.510.698)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	35.265.948.984	14.419.129.788
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	179.009.997.707	171.122.463.380
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(140.949.791)	64.634.831
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	214.134.996.900	185.606.227.999

Ngày 18 tháng 8 năm 2016

Người lập:


 Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp


 Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

 Nguyễn Thị Thanh Trang
 Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Đại lý hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải.

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, cổ phiếu của Công ty bắt đầu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán VSA.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là: đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; vận tải container bằng đường bộ; cho thuê văn phòng; dịch vụ cung ứng tàu biển; xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; bốc xếp hàng hóa; đại lý ký gửi hàng; vận tải đa phương quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistic; mua bán, cho thuê và sửa chữa container; kinh doanh vận tải biển; kinh doanh kho bãi; kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); dịch vụ khai thuê hải quan.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 671 nhân viên (1/1/2016: 703 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty không kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 44 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 11 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 đến 49 năm.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(g) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 20 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp thuận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty cho rằng Công ty hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam và hoạt động kinh doanh là cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải và dịch vụ có liên quan.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.403.547.853	2.434.809.165
Tiền gửi ngân hàng	108.231.449.047	112.075.188.542
Các khoản tương đương tiền	102.500.000.000	64.500.000.000
	214.134.996.900	179.009.997.707

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	31.000.000.000	31.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2016		1/1/2016					
	Số lượng	Giá gốc VND	% sở hữu	Dự phòng VND	Số lượng	% sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty con								
• Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (i)	51,5%	37.392.586.378	2.608.910.284	51,5%	37.392.586.378	2.359.862.730		
▪ Công ty liên kết								
• Công ty TNHH China Shipping Việt Nam (ii)	40%	3.175.492.779	724.276.531	40%	3.175.492.779	-		
▪ Đơn vị khác								
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (iii)	913.390	7.400.160.000	-	913.390	7.400.160.000	-		
• Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam	200.000	2.020.000.000	-	200.000	2.020.000.000	-		
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000	500.000.000	-	50.000	500.000.000	-		
• Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (iv)	51%	1.072.836.000	-	51%	1.072.836.000	-		
• Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	1%	63.746.040	-	1%	63.746.040	-		
• Công ty liên doanh Bông Sen	0,27%	533.047.323	-	0,27%	533.047.323	-		
		11.589.789.363	-		11.589.789.363	-		
		52.157.868.520	3.333.186.815		52.157.868.520	2.359.862.730		

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản 9 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam thông qua việc thành lập Công ty cổ phần để thực hiện Dự án xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Các cổ đông của Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (“VOSALAND”) thực hiện thỏa thuận góp vốn, trong đó Công ty cam kết góp 51,5% bao gồm giá trị quyền sử dụng đất số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và 5.000.000.000 VND tiền mặt. Đến quý 3 năm 2015, Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn vào VOSALAND. Vốn điều lệ VOSALAND là 100 tỷ VND, giá trị khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc.
- (ii) Công ty TNHH China Shipping Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 15 năm kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000393 ngày 25 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 2411/GP ngày 11 tháng 8 năm 2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép đầu tư điều chỉnh. Các chủ sở hữu của công ty là China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.
- (iii) Công ty là cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“MSB”) vào năm 1991. Số cổ phiếu Công ty sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.
- (iv) Theo hợp đồng liên doanh, Công ty không tham gia quản lý và điều hành công ty liên doanh. Ban Giám đốc đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên doanh. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại là đầu tư vốn vào đơn vị khác.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	19.315.189.093	12.434.671.613
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	13.702.933.349	13.186.417.987
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	11.282.473.422	18.946.868.061
Công ty TNHH SDV Việt Nam	-	2.009.151.665
Các khách hàng khác	98.132.741.667	68.867.113.836
	<hr/>	<hr/>
	142.433.337.531	115.444.223.162
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	142.433.337.531	115.444.223.162
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	355.340.831	355.340.831
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	198.653.400
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	16.079.162	-
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	2.984.499	660.000
	<hr/>	<hr/>
	499.815.175	680.064.914
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	14.853.530.703	9.471.635.953
Tạm ứng nhân viên	13.987.624.083	7.006.823.514
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.263.777.000	2.116.345.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	77.412.222	2.182.328.888
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	54.634.783	91.411.126
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	8.934.416.969
Phải thu khác	10.440.369.854	6.091.813.110
	41.677.348.645	35.894.774.560

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	8.310.938.470	7.954.789.470

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Daiichi Chuo								
Marine Co., Ltd.	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-
Khách hàng khác	Trên 3 năm	3.123.937.018	3.123.937.018	-	Trên 3 năm	3.123.937.018	3.123.937.018	-
Khách hàng khác	Từ 2 – 3 năm	397.256.524	278.079.567	119.176.957	Từ 2 – 3 năm	397.256.524	278.079.567	119.176.957
Khách hàng khác	Từ 1 – 2 năm	143.866.004	62.705.342	81.160.662	Từ 1 – 2 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341
Khách hàng khác	Dưới 1 năm	247.869.962	-	247.869.962	Dưới 1 năm	2.140.000	-	2.140.000
		9.488.825.143	9.040.617.562	448.207.581		9.224.639.860	9.040.617.562	184.022.298

Trong đó:

Dự phòng phải thu
khó đòi ngắn hạn

9.040.617.562

9.040.617.562

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	86.881.306.160	38.015.819	42.543.876.758	5.055.676.496	134.518.875.233
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.843.818.182	-	1.843.818.182
Giảm khác	(8.793.713)	-	-	-	(8.793.713)
Số dư cuối kỳ	86.872.512.447	38.015.819	44.387.694.940	5.055.676.496	136.353.899.702
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	40.322.364.304	38.015.819	29.517.785.073	4.193.941.631	74.072.106.827
Khấu hao trong kỳ	1.904.744.980	-	1.662.340.187	200.082.305	3.767.167.472
Số dư cuối kỳ	42.227.109.284	38.015.819	31.180.125.260	4.394.023.936	77.839.274.299
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	46.558.941.856	-	13.026.091.685	861.734.865	60.446.768.406
Số dư cuối kỳ	44.645.403.163	-	13.207.569.680	661.652.560	58.514.625.403

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 36.205.130.653 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 29.371.253.438 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	20.346.655.528	1.984.579.300	22.331.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	913.305.563	1.705.447.408	2.618.752.971
Khấu hao trong kỳ	112.609.512	93.043.962	205.653.474
Số dư cuối kỳ	1.025.915.075	1.798.491.370	2.824.406.445
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	19.433.349.965	279.131.892	19.712.481.857
Số dư cuối kỳ	19.320.740.453	186.087.930	19.506.828.383

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 123.700.000 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 123.700.000 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	24.783.032.575
Khấu hao trong kỳ	2.092.195.140
Số dư cuối kỳ	26.875.227.715
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	49.801.071.781
Số dư cuối kỳ	47.708.876.641

Giá trị hợp lý bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc định giá. Không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản tương đồng và tương tự vị trí với các bất động sản đầu tư của Công ty.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	305.518.229	73.663.177.322
Tăng trong kỳ	2.352.921.378	2.668.730.713
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.843.818.182)	(1.910.665.776)
Giảm khác (i)	-	(39.180.959.052)
Số dư cuối kỳ	814.621.425	35.240.283.207

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Trong năm 2013 và 2014, Công ty đã chi hộ Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam 39.180.959.052 VND tiền sử dụng đất cho khu đất 1.836 m² tại địa chỉ số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ hình thức thuê đất sang giao đất theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện nghĩa vụ đối với Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 13373/TB-CT-KTTĐ ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (sau khi trừ các khoản chi phí tư vấn, thẩm định và tiền chi bồi thường, hỗ trợ về đất mà Công ty đã chi trước đó). Ngày 6 tháng 1 năm 2015, Công ty đã nhận được số tiền trên từ Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam và đã ghi giảm xây dựng cơ bản dở dang.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án nhà văn phòng Vitamas	797.976.789	305.518.229
Dự án nhà văn phòng VOSA Nha Trang	16.644.636	-
	<hr/> 814.621.425	<hr/> 305.518.229

13. Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiền Bộ	5.936.701.000	5.936.701.000	5.585.383.000	5.585.383.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.827.149.467	3.827.149.467	13.429.265.853	13.429.265.853
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	3.822.778.191	3.822.778.191	4.321.481.182	4.321.481.182
Các nhà cung cấp khác	61.531.154.194	61.531.154.194	60.677.388.867	60.677.388.867
	<hr/> 75.117.782.852	<hr/> 75.117.782.852	<hr/> 84.013.518.902	<hr/> 84.013.518.902

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	75.117.782.852	75.117.782.852	84.013.518.902	84.013.518.902

(c) Phải trả người bán là bên liên quan

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	3.366.611	3.366.611	1.695.491	1.695.491
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.935.156.182	1.935.156.182	2.714.238.374	2.714.238.374
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	487.901.472	487.901.472	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang	432.145.400	432.145.400	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	125.385.049	125.385.049	28.374.957	28.374.957
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	2.983.400	2.983.400	-	-
	2.986.938.114	2.986.938.114	2.744.308.822	2.744.308.822

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp và trả trước vào Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	569.631.284	5.686.629.870	(5.476.036.741)	780.224.413
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.406.294.962	5.537.210.374	(1.493.874.973)	5.449.630.363
Thuế thu nhập cá nhân	658.356.661	3.206.603.044	(3.475.255.139)	389.704.566
Thuế nhà đất	-	62.469.488	(62.469.488)	-
Tiền thuế đất	438.239.000	2.458.143.387	(2.531.471.537)	364.910.850
Các loại thuế khác	11.322.842.768	16.678.264.422	(20.525.463.942)	7.475.643.248
	14.395.364.675	33.629.320.585	(33.564.571.820)	14.460.113.440

(b) Thuế trả trước vào Ngân sách Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được cán trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được cán trừ				
Thuế thu nhập cá nhân	202.269.149	21.106.024	(161.744.442)	61.630.731

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Doanh thu đại lý vận tải	27.861.902.465	-
Doanh thu khác	-	200.000.000
	27.861.902.465	200.000.000

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	83.871.698.096	48.189.867.415
Cổ tức phải trả	23.676.718.550	8.360.724.825
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần An Phú (*)	22.000.000.000	-
Ký ngân của các hãng tàu	16.705.434.298	12.244.568.320
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.810.666.584	4.684.071.720
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
Kinh phí công đoàn	1.325.170.823	1.176.114.256
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	329.047.730	33.500.888
Phải trả Manuchar Hong Kong Limited	306.341.192	8.342.091.909
Phải trả khác	633.950.258	404.517.808
	<hr/>	<hr/>
	157.396.414.971	87.172.844.581

(*) Theo Biên bản thỏa thuận số 54/2016/BBTT-PL ngày 4 tháng 4 năm 2016, Công ty Cổ phần An Phú đã chuyển khoản tạm ứng 22.000.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhằm đền bù, hỗ trợ cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) (“VOSA Sài Gòn”) di dời khỏi văn phòng thuê tại số 3-5-7-11 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần An Phú sẽ thay thế VOSA Sài Gòn trong việc quản lý, sử dụng văn phòng thuê này. VOSA Sài Gòn đã hoàn tất việc bàn giao toàn bộ văn phòng thuê cho Công ty Cổ phần An Phú vào ngày 1 tháng 8 năm 2016 theo Biên bản bàn giao nhà số 015/BBKT-AP.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	640.763.838	628.763.838
Nhận tiền ký quỹ cho thuê văn phòng Ocean Park của Europac Shipping	79.006.312	79.006.312
	<hr/>	<hr/>
	719.770.150	707.770.150

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	6.700.125.785	7.679.391.012
Trích lập trong kỳ (thuyết minh 19)	5.505.204.264	5.977.745.115
Sử dụng trong kỳ	(2.525.704.203)	(2.796.768.682)
	9.679.625.846	10.860.367.445

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 5 năm 2016 đã quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5.505.204.264 VND (2015: 5.977.745.115 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay cán bộ công nhân viên (*)	-	-	2.333.081.633	(777.693.879)	1.555.387.754	1.555.387.754

(*) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (NorthFreight) theo Quyết định số 32/QĐ-NF ngày 31 tháng 3 năm 2016 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại chi nhánh. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2016 và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh (i)	VND	Không	2019	7.000.000.000	7.000.000.000
Vay Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) (ii)	CNY	Không	2023	6.747.840.000	6.739.920.000
				13.747.840.000	13.739.920.000

- (i) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh theo Hợp đồng vay số 2/ĐLHH-ĐQH ngày 1 tháng 4 năm 2014 nhằm mục đích ký quỹ vào Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh để xin cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 1 tháng 4 năm 2019 và không chịu lãi.
- (ii) Khoản vay dài hạn 1.980.000 CNY tương đương 6.739.200.000 VND từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) theo Hợp đồng số 1/LC-HK ngày 10 tháng 4 năm 1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	116.500.000.000	56.397.655.039	12.311.461.686	69.715.928.478	254.925.045.203
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	40.514.731.307	40.514.731.307
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	17.863.553.952	1.531.161.767	(19.394.715.719)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.977.745.115)	(5.977.745.115)
Chia cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(19.805.000.000)	(19.805.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(467.606.000)	-	(467.606.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015 – chưa soát xét	116.500.000.000	74.261.208.991	13.375.017.453	65.053.198.951	269.189.425.395
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	16.483.406.640	16.483.406.640
Sử dụng các quỹ	-	-	(640.600.000)	-	(640.600.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	116.500.000.000	74.261.208.991	12.734.417.453	81.536.605.591	285.032.232.035
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	26.892.342.559	26.892.342.559
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	17.008.673.771	1.457.886.323	(18.466.560.094)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.505.204.264)	(5.505.204.264)
Chia cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(23.300.000.000)	(23.300.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(885.600.000)	-	(885.600.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	116.500.000.000	91.269.882.762	13.306.703.776	61.157.183.792	282.233.770.330

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 5 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định phân phối khoản cổ tức 23.300.000.000 VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) (2015: 19.805.000.000 VND (1.700 VND trên một cổ phiếu)).

22. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ 11.650.000.000 VND (1/1/2016: 11.650.000.000 VND) và quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh 1.656.703.776 VND (1/1/2016: 1.084.417.453 VND).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.956.247 USD	65.806.057.219	2.823.881 USD	63.353.988.584
		<hr/>		<hr/>

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.333.734.404	3.811.708.582
Từ hai đến năm năm	12.824.890.302	10.620.899.103
Sau năm năm	61.908.810.845	62.924.659.994
	<hr/>	<hr/>
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Doanh thu đại lý vận tải	234.089.748.434	237.225.941.263
Doanh thu kho ngoại quan	48.226.168.768	56.145.399.619
Doanh thu đại lý tàu rời	25.524.028.623	25.278.371.785
Doanh thu cho thuê phương tiện	24.166.067.939	34.779.903.564
Doanh thu tạm nhập tái xuất	9.978.160.836	9.721.481.650
Doanh thu kiểm kiện	9.963.836.985	9.888.903.029
Doanh thu đại lý liner	9.845.569.648	13.454.279.605
Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	9.619.489.666	7.083.077.155
Doanh thu cho thuê kho, khách sạn	4.976.943.235	2.672.736.664
Doanh thu dịch vụ khác	4.821.343.483	4.231.860.106
	381.211.357.617	400.481.954.440

25. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân công	35.240.096.707	35.456.954.638
Chi phí khấu hao	4.804.972.096	4.998.687.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.840.278.642	299.874.089.026
Chi phí khác	12.702.028.971	18.960.452.770
	333.587.376.416	359.290.184.090

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.816.165.895	9.820.016.969
Lãi tiền gửi	2.064.015.354	1.850.755.237
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	12.922.448.283
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.866.471.359	1.890.710.222
	8.746.652.608	26.483.930.711

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	973.324.085	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	683.807.190	1.464.279.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	74.338.649	-
Chi phí tài chính khác	-	22.540.000
	1.731.469.924	1.486.819.571

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân công	3.402.385.715	3.828.123.440
Chi phí khấu hao	1.260.043.990	1.597.032.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.859.786.128	12.104.128.628
Chi phí khác	6.011.585.342	5.191.057.945
	22.533.801.175	22.720.342.480

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Xóa sổ các khoản nợ phải trả không xác định đối tượng	301.438.965	7.254.874.494
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	1.000.000
Các khoản khác	29.073.870	161.988.937
	<hr/>	<hr/>
	330.512.835	7.417.863.431
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân công	38.642.482.422	39.285.078.078
Chi phí khấu hao	6.065.016.086	6.595.720.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.700.064.770	311.978.217.654
Chi phí khác	18.713.614.313	24.151.510.715
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.537.210.374	10.286.062.980

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32.429.552.933	50.800.794.287
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.485.910.587	11.176.174.743
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.532.966	1.275.791.970
Thu nhập không bị tính thuế	(963.233.179)	(2.165.903.733)
	5.537.210.374	10.286.062.980

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Chưa soát xét
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	-	5.947.800.000
Chi phí thuê văn phòng	465.522.180	466.344.150
Tiền điện phải trả	5.750.805	9.154.485
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam		
Doanh thu cho thuê văn phòng	50.978.180	63.862.920
Góp vốn điều lệ bằng tiền	-	1.940.000.000
Nhận tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM	-	39.180.959.052
Nhận tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM	-	767.481.206
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam		
Cổ tức được chia	-	8.934.416.969
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Cổ tức được chia	3.925.765.895	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	153.714.040	916.934.040
Chi phí dịch vụ phải trả	6.762.920	314.479.920
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam		
Cổ tức được chia	-	25.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.339.256	7.046.235
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng		
Chi phí dịch vụ phải trả	361.203.629	276.948.560
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	30.123.000
Chi phí dịch vụ phải trả	309.574.520	775.893.322

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Chưa soát xét
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.617.420	19.394.416
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông Doanh thu cung cấp dịch vụ Chi phí dịch vụ phải trả	10.290.908 -	26.236.363 300.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.500.000	132.316.365
Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang Chi phí dịch vụ phải trả	164.610.701	113.191.380
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh Chi phí dịch vụ phải trả	11.172.490	-
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh Chi phí dịch vụ phải trả	-	369.519.754
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ Chi phí dịch vụ phải trả	37.281.000	-
Công ty Vận tải biển Container Vinalines Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	9.911.364
Công ty Vận tải biển Vinalines Doanh thu cung cấp dịch vụ	216.450.000	254.544.000
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương	3.697.709.071	3.836.494.505
Phụ cấp	239.910.000	400.400.000
Thưởng	471.981.067	56.950.000

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Theo Nghị quyết số 09/2016/NQ/HĐQT-NK3-TYHK ngày 4 tháng 7 năm 2016, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã quyết định chấm dứt hợp đồng liên doanh với China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng tương ứng với phần lỗ gánh chịu từ liên doanh và cho rằng sẽ thu hồi được giá trị còn lại của khoản đầu tư này khi liên doanh giải thể.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Lương Huy
Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Trang
Phó Tổng Giám đốc

T 09/16